

Số: 75 /NQ-HĐND

Yên Dũng, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG  
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Xây dựng năm 2015, Luật Đất đai năm 2013;*

*Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2022; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2022 (có danh mục chi tiết kèm theo).

UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Xây dựng, Luật Đầu thầu và các quy định về đầu tư XDCB.

**Điều 2.** Giao cho UBND huyện thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ủy ban MTTQ huyện, các đoàn thể nhân dân tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND huyện Yên Dũng khóa XX, kỳ họp thứ 3 thông qua. 

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện Yên Dũng;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVHĐND;
- Lưu: VT.



**Thạch Văn Chung**

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

75 /NQ-HĐND ngày 17 /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện)



DVT: Triệu đồng

TT	Đánh số	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
A	<b>TỔNG DỰ KIẾN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				1.680.000	
I	Phân chia NS tỉnh (30%-40%)				513.500	
II	Phân chia cấp ngân sách (NS huyện, xã)				1.166.500	
1	Phân chia cấp ngân sách xã				168.000	
2	Phân chia cấp ngân sách huyện				998.500	
B	<b>Tổng nhu cầu chi đo đạc, GPMB, hạ tầng, các công trình XDCEB</b>				998.500	
B1	Kinh phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền SDD, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai				10.000	
B2	GPMB&XDHT dự kiến				431.482	
I	<b>GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG</b>				99.011	
II	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>		1.238.746	244.347	332.471	
1	Các công trình, dự án giai đoạn 2016-2020		469.165	172.102	174.006	
1.1	HTKT khu dân cư thôn Tây, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	2019-2020	11.539	6.480	5.059	
1.2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Cảnh Thụy và thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	11.740	6.740	5.000	
1.3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Huyền, xã Tiên Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	14.535	12.000	2.535	
1.4	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng (giai đoạn 1)	2019-2020	13.592	12.412	1.180	
1.5	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2)	2019-2020	14.900	14.086	814	
1.6	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 3)	2019-2020	13.017	11.749	1.268	
1.7	Hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	2019-2020	13.028	11.028	2.000	
1.8	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy-Từ Mạo (giai đoạn 1), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	13.585	8.000	5.585	
1.9	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	10.402	6.500	3.902	
1.10	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy-Từ Mạo, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2)	2019-2020	10.202	3.500	6.702	
1.11	Hạ tầng khu dân cư mới xã Từ Mạo, huyện Yên Dũng (khu 2)	2019-2021	13.028	11.000	2.028	
1.12	Hạ tầng khu dân cư mới thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng	2019-2021	14.908	1.000	13.908	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
1.13	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xa Cảnh Thụy - Tư Mại, huyện Yên Dũng	2018-2020	14.605	3.000	11.605	
1.14	Hạ tầng khu dân cư thôn Sơn Thịnh, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2021	12.704	11.700	1.004	
1.15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng (gđ 2)	2020-2022	14.984	2.000	12.984	
1.16	Hoàn thiện hệ thống cấp điện khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng (gđ2)	2021-2023	8.763	1.440	5.000	
1.17	Hoàn thiện hệ thống cấp điện khu dân cư mới xã Cảnh Thụy và thị trấn Neo	2020-2022	7.568	2.500	5.068	
1.18	Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Bản, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	2.163	700	1.457	
1.19	Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (khu 1)	2019-2020	14.368	13.700	668	
1.20	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Kem xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	2019-2021	7.968	400	7.568	
1.21	Hạ tầng kỹ thuật khu 1 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	14.920	5.900	7.000	
1.22	Hạ tầng kỹ thuật khu 2 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	14.953	400	12.000	
1.23	Hạ tầng kỹ thuật khu 3 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2022	14.498	400	12.000	
1.24	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Hạng mục: Điện	2019-2021	14.767	12.767	2.000	
1.26	Hạ tầng khu dân cư TDP khỏi thị trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng	2021-2023	14.703	500	11.000	
1.27	Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (Khu 3)	2020-2021	13.172	3.400	9.772	
1.28	Hạ tầng thôn Thượng Tùng xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng	2020-2022	14.998	1.000	13.998	
1.29	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Sơn Thịnh xã Trí Yên	2019-2021	6.900	6.000	900	
1.30	Hạ tầng kỹ thuật khu 5- Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	2020-2023	122.654	1.000	10.000	
2	Các công trình, dự án giai đoạn 2021-2025	-	769.581	72.245	158.466	
*	Các công trình đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	-	352.235	39.945	114.578	
2.1	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (Cấp điện và thông tin liên lạc)	2021-2022	14.680	5.200	9.480	
2.2	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu 1,2,3 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	14.972	500	9.772	
2.3	Hạ tầng kỹ thuật khu 4 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	80.632	1.200	15.000	
2.4	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn nhất xã Cảnh Thụy và khu 1 khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.999	1.000	12.933	
2.5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố thôn Đông Hương, thị trấn Nham Biền	2021-2022	14.951	-	200	
2.6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố Phương Sơn và Kem, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	32.322	0	1.000	
2.7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.389	-	500	



TT		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
2.8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Đông Cao, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	12.509	3.200	9.309	
2.9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Hưng Thịnh, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.996	-	500	
2.10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tân Hưng, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	5.580	3.200	2.380	
2.11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tân Ninh, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	9.650	3.200	6.450	
2.12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Yên Tập Bón, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	2021-2022	28.895	-	1.000	
2.13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 3)	2021-2022	29.074	7.200	13.874	
2.14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 4)	2021-2022	35.231	7.200	15.608	
2.15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 5)	2021-2022	28.509	7.200	16.309	
2.16	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại thôn An Thịnh, xã Tiên Phong	2021-2022	845	845	255	
	<b>Các công trình phê duyệt chủ trương giai đoạn 2021-2025</b>	-	<b>417.346</b>	<b>28.900</b>	<b>43.896</b>	
2.17	Đường gom cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư	2020-2021	10.354	8.000	2.354	
2.18	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Bình Voi xã Cảnh Thụy	2021-2022	3.950	1.000	2.950	
2.19	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Mỏ xã Đức Giang; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.100	900	200	
2.20	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Chiến, Sĩ xã Nội Hoàng; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	950	800	150	
2.21	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Voi và xây dựng đường điện đường tỉnh 299B - xã Quỳnh Sơn; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	2.000	1.100	900	
2.22	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn An Thái xã Yên Lư; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	2.750	1.200	1.550	
2.23	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới Tổ Dân Phố Minh Phương thị trấn Nham Biên; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	2.000	1.100	900	
2.24	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Liễu Nham xã Tân Liễu; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.583	800	783	
2.25	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới TDP Phấn Lôi thị trấn Nham Biên; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.150	800	350	
2.26	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư TDP Thượng thị trấn Tân An; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	3.000	1.200	1.800	
2.27	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư thôn An Thịnh, Liên Sơn xã Tiên Phong; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	14.959	5.000	4.959	
2.28	Hạ tầng khu đô thị số 2 thị trấn Nham Biên	2021-2022	136.234	7.000	20.000	
2.29	Hạ tầng khu 1, khu đô thị số 3 thị trấn Nham Biên	2021-2022	78.328	-	2.000	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
2.30	Hạ tầng khu 2, khu đô thị số 3 thị trấn Nham Biền	2021-2022	42.898	-	2.000	
2.31	Hạ tầng kỹ thuật khu 2, khu dân cư Lạc Phú, thị trấn Nham Biền	2021-2023	31.855	-	1.000	
2.32	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Bắc xã Đông Việt	2021-2022	36.235	-	1.000	
2.33	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Tiên Phong	2021-2022	48.000	-	1.000	
B2	<b>VỐN ĐẦU TƯ XDCB NGÂN SÁCH HUYỆN</b>		<b>2.925.052</b>	<b>367.250</b>	<b>557.018</b>	
I	<b>GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>	-	<b>1.387.067</b>	<b>275.350</b>	<b>362.468</b>	
1	<b>Các công trình khởi công mới giai đoạn 2018-2020</b>		<b>1.004.749</b>	<b>210.350</b>	<b>243.318</b>	
1.1	Xây dựng đường ĐHL5B (đoạn từ xã Cảnh Thụy - Tư Mại - thị trấn Neo) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2022	96.850	48.450	48.400	
1.2	Xây dựng đường ĐHL5B (đoạn từ thị trấn Neo đi cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.	2019-2022	108.114	42.700	65.414	
1.3	Xây dựng đường ĐHL5B (đoạn từ cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư đi về Tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2022	116.627	32.700	73.927	
1.4	Xây dựng tuyến đường nối QL.17- QL.37 đoạn thuộc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2023	83.077	70.500	7.577	
1.5	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 398 đoạn từ Đông Việt đi thị trấn Neo và Quốc lộ 17 đoạn từ công Kém đi Tiên Phong huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2023	495.583	3.000	20.000	
1.6	Xây dựng đường ĐHL5B (đoạn từ về Tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư đi Việt Yên) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2022	104.498	13.000	28.000	
2	Trả nợ và đối ứng các công trình Vốn đầu tư mục tiêu của tỉnh cho các huyện theo NQ HĐND tỉnh	-	-	-	3.000	
3	Hỗ trợ Kiến cố hóa trường, lớp học	-	382.318	65.000	90.000	
4	Hỗ trợ trạm y tế đạt chuẩn	-	-	-	1.000	
5	Hỗ trợ xây dựng mới nhà văn hóa các thôn (thực hiện Chương trình MTQG)	-	-	-	2.000	
6	Hỗ trợ tu bổ di tích đã được xếp hạng và xuống cấp	-	-	-	750	
7	Hỗ trợ chương trình MTQG NTM	-	-	-	6.900	
8	Hỗ trợ và thưởng các thôn NIM kiểu mẫu	-	-	-	2.500	
9	Hỗ trợ các xã về đích NTM trả nợ XDCB	-	-	-	3.000	
10	Hỗ trợ các xã xây dựng cơ sở hạ tầng	-	-	-	10.000	
10.1	Hỗ trợ kênh mương nội đồng (50%)	-	-	-	5.000	



TT		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
10.2	Hỗ trợ đường giao thông nội đồng (50%)	-	-	-	5.000	
II	Các công trình mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại NQ số 55/NQ-HBND	-	391.033	72.200	105.490	
1	Trụ sở làm việc UBND huyện Yên Dũng. Hạng mục Nhà làm việc 3 tầng	-	10.332	-	200	
2	Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn huyện	2021-2022	5.500	4.500	1.000	
4	Cải tạo vỉa hè, rãnh thoát nước đường Lê Đức Trung, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	9.512	7.000	2.512	
5	Hạ ngầm hệ thống điện, viễn thông đường Lê Đức Trung, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.960	9.000	5.960	
6	Cứng hóa đường từ thôn Trạng An xã Yên Lư đi QL.17	2021-2022	2.700	700	2.000	
7	Tuyến đường huyện ĐH1 đoạn từ ĐT 398 đi UBND xã Đức Giang	2021-2022	14.982	8.000	6.982	
8	Xây dựng hội trường UBND huyện	2021-2023	69.630	5.000	30.000	
9	Cải tạo nâng cấp đường Đ HI Làng Cát - Khê Cầu; đoạn từ ĐT 398 đi thôn Cầu Đường	2021-2023	10.000	4.200	5.000	
11	Quy hoạch chi tiết các khu dân cư giai đoạn 2020-2025	2021-2025	-	-	8.267	
12	Xây dựng Hồ điều hòa tổ dân phố 5, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.998	7.000	7.998	
13	Xây dựng đường nối từ ĐT299 đi ĐT293 (đoạn qua Trạm Y tế thị trấn Tân Dân cũ)	2021-2023	52.400	13.200	15.000	
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH.4 đoạn Công an huyện đi về Sông Cầu	2022-2024	48.102	-	200	
15	Nhà ăn UBND huyện	2022-2023	31.617	200	12.000	
16	Cải tạo nhà làm việc UBND huyện. Hạng mục nhà 5 tầng	2021-2022	7.000	3.000	500	
17	Cải tạo nhà làm việc liên cơ quan UBND huyện. Hạng mục: Nhà 3 tầng	2021-2022	2.700	2.200	500	
18	Xây dựng nghĩa trang chung xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2023	82.000	-	1.000	
19	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường nối QL17-QL37 và tuyến đường dẫn lên cầu Đồng Sơn đoạn từ nút giao QL17 đến hết địa phận huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	14.600	8.200	6.370	
III	Các công trình mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại NQ số 05/NQ-HBND ngày 05/4/2021	-	1.104.439	13.700	42.156	
I	Các công trình phát sinh mới	-	1.104.439	13.700	42.156	
1.1	Trung tâm hành chính công của huyện Yên Dũng	2021-2023	30.171	-	500	
1.2	Xây dựng tuyến đường đi bộ lên đỉnh núi Non Vua, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	14.653	-	500	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022			Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	
1.3	Hệ thống đèn đường từ Tổ dân phố 6 thị trấn Nham Biền đi UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	5.291	2.200	3.091
1.4	Dịch chuyển đường dây 0,4KV và hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường từ xã Cảnh Thụy đi xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	5.809	1.200	4.609
1.5	Hệ thống đèn đường từ ngã tư Tân An đi xã Lão Hộ	2021-2022	5.030	4.200	830
1.6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố Hương, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng	2021-2022	45.925	200	10.000
1.7	Cứng hoá kênh mương tuyến D15 từ thôn Hồng Giang, xã Đức Giang đi thôn Đông Thắng, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng	2021-2023	7.622	5.200	2.422
1.8	Lắp đặt đèn tín hiệu điều khiển giao thông tại nút giao ngã tư đường Pháp Loa và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021	903	700	203
1.9	Tuyến đường ĐL5B kéo dài kết nối từ xã Cảnh Thụy - xã Tiến Dũng - xã Lăng Sơn - xã Quỳnh Sơn và đường tỉnh 293	2022-2025	989.035	-	20.000
IV	Các danh mục công trình đề xuất mới	-	42.514	6.000	26.905
1	Hỗ trợ UBND xã Hương Gián công trình: Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Đông xã Hương Gián; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	-	2.150	-	1.800
2	Quy hoạch nghĩa trang tập trung tại xã Tư Mại và thị trấn Nham Biền	2022 - 2023	1.200	-	500
3	Quy hoạch chung chung xây dựng đô thị Tiên Phong	2022 - 2023	1.500	-	700
4	Quy hoạch chung chung xây dựng đô thị Đức Giang	2022 - 2023	1.700	-	800
5	Đề án công nhận đô thị Nham Biền là đô thị loại V	2022 - 2023	800	-	300
6	Đề án công nhận đô thị Tân An là đô thị loại V	2023 - 2024	800	-	300
7	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Nội Hoàng	2023 - 2024	1.700	-	500
8	Hỗ trợ Cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước ĐT 299, đoạn từ Unicol đến ngã 2 giao với ĐT 293	2022 - 2023	5.000	-	2.000
9	Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Yên Lư; Nhà văn hóa thôn Yên Tập Bắc	2022 - 2023	5.000	-	2.000
10	Trả nợ các công trình đường GINTI thực hiện theo chương trình Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND huyện ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh trên địa bàn huyện	2021 - 2025	2.735	-	2.735
11	Bổ sung kinh phí hỗ trợ người có công	2021 - 2025	3.720	-	3.720



Định mục	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022				Ghi chú
	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
12	Hỗ trợ máy cày trợ sức công an các xã		6.000	6.000	
13	Vốn chuẩn bị đầu tư các công trình		16.209	5.550	
13.1	Xây dựng hệ thống tín hiệu giao thông và đèn chớp vàng cảnh báo đường tỉnh 293 trước địa phận xã Hương Gián và xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	1.160	150	
13.2	Dịch chuyển đường dây hạ thế đoạn từ ngã ba Yên Phương đi bến Đò Cung Kiệm xã Yên Lư	2021-2022	1.105	200	
13.3	Dự án thay thế sửa chữa nâng cấp đài truyền thanh xã, thị trấn, hệ thống máy tăng âm truyền thanh thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Yên Dũng	2021-2023	13.944	200	
13.4	Các dự án chuẩn bị đầu tư khác		-	5.000	
	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 4 thị trấn Tân An		-	-	
	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Tân An		-	-	
	Hạ tầng kỹ thuật khu 1 trung tâm xã Tiên Phong		-	-	
	Một số dự án hạ tầng ở các khu xen kẽ		-	-	
	Công trình Sờ chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Yên Dũng giai đoạn 2020-2030		-	-	
V	Dự phòng ngân sách		-	20.000	